

ELIMINATION OF ILLITERACY FOR ETHNIC MINORITIES IN VIETNAM FROM 2010 TO PRESENT CURRENT STATUS AND ISSUES

Hoang Thi Mai Sa

The University of Da Nang - University of Science and Education
Email: hoangsa82@gmail.com

Received: 09/6/2021
Reviewed: 18/6/2021
Revised: 22/6/2021
Accepted: 25/6/2021
Released: 30/6/2021

DOI: <https://doi.org/10.25073/0866-773X/554>

Vietnam is one of the countries with remarkable achievements in literacy in Asia. From 10% of the population being literate (1945), up to now, 94% of the population is literate for the whole country and 83% for ethnic minority groups (CEMA, 2017). This study was conducted to re-evaluate the illiteracy eradication process for ethnic minorities in Vietnam from 2010 to the present, and to point out the difficulties that need to be overcome in the current literacy work. The data used in the research is compiled from articles published in journals and books of foreign scholars, annual data reports of Government agencies, research institutes, and scholars in Vietnam. The results of the study show that there are significant gaps between literacy rates for ethnic minorities and the majority. At the same time, it is also recommended that in order to fulfill Vietnam's literacy goals by 2030, it is necessary to have new, drastic and breakthrough policies in the current literacy work.

Keywords: *Elimination of illiteracy; Ethnic minority; Elimination of illiteracy in the period 2010 to present; Primary school universalization; Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Công tác xóa mù chữ cho các dân tộc thiểu số (DTTS) luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu của Chính phủ Việt Nam kể từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đến nay. Sau khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình, vấn đề xóa mù chữ càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, đã 20 năm kể từ khi Việt Nam ký kết Tuyên bố Thiên niên kỷ, tình trạng mù chữ (nghiên cứu này không đề cập đến hiện trạng tái mù chữ) trong cộng đồng các DTTS ở Việt Nam vẫn còn khoảng cách về tỷ lệ biết đọc, biết viết tiếng phổ thông (của người dưới 15 tuổi) giữa DTTS và dân tộc đa số vẫn còn, đặc biệt là ở nhóm dân tộc có số dân dưới 10.000 người.

Đối với công tác xóa mù chữ, đói nghèo và sự đa dạng ngôn ngữ của các nhóm DTTS trở thành rào cản và thách thức rất lớn. Điều này được thể hiện bằng kết quả xóa mù chữ hiện nay cho người DTTS đang có một khoảng cách rất lớn so với mặt bằng chung của cả nước. Đặc biệt, có những nhóm nữ DTTS chưa đạt được chỉ tiêu bằng 50% so với mức trung bình trung của cả nước. Đây là một hiện trạng rất đáng báo động và Chính phủ cần có các giải pháp kịp thời để hạn chế tình trạng mù chữ phổ thông trong đồng bào DTTS càng sớm, càng tốt.

2. Tổng quan nghiên cứu

Liên Hợp quốc đã coi mù chữ là trở ngại lớn nhất cho sự phát triển của loài người, là khoảng cách giữa con người với thế giới hiện đại. UNESCO (1965) cho rằng: “Một người biết chữ có thể hiểu và viết một câu ngắn gọn, đơn giản về cuộc sống hàng ngày của mình”.

Những nỗ lực có tổ chức đầu tiên của các quốc gia nhằm dạy cho người lớn mù chữ biết đọc, biết viết đã ra đời từ thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, giữa những năm 1950 và 1970, một chương trình xóa mù chữ chính thức ra đời và hiện giờ 92 quốc gia và 9 tổ chức phi chính phủ đã có những báo cáo về sự tồn tại của các chương trình xóa mù chữ này (David Harman, 1970).

Tuy nhiên, tại mỗi quốc gia, việc vận dụng chương trình xóa mù chữ chung của Liên Hợp Quốc rất đa dạng. Là một nước đa sắc tộc, Trung Quốc có những chiến dịch xóa mù chữ dành cho các nhóm dân tộc thiểu số khác biệt so với các nước thuộc Châu Âu hay Hoa Kỳ. Trung Quốc có 55 dân tộc thiểu số, chiếm 91 triệu người, nói 80 ngôn ngữ khác nhau với 30 dân tộc có chữ viết riêng (Minlang Zhou, 2000). Chính phủ Trung Quốc chia các nhóm thiểu số theo mục tiêu xóa mù chữ làm 3 nhóm khác nhau. Trung Quốc đã áp dụng chính sách độc quyền này để thực hiện chiến dịch chống nạn mù chữ đối ba nhóm thiểu số. Mặc dù hiệu quả xóa mù chữ đối với ba nhóm là không

giống nhau (Minglang Zhou, 2000) nhưng xét về hiệu quả xóa mù chữ đối với tổng thể người Trung Quốc đã đạt hiệu quả rất cao. Năm 1949, tỷ lệ mù chữ của Trung Quốc là 80% nhưng đến năm 2010, tỷ lệ này giảm xuống chỉ còn 3.5%.

Mặc dù, cùng thời điểm khởi động chiến dịch xóa mù chữ nhưng Ấn Độ đang bị Trung Quốc bỏ xa về thành tựu xóa mù chữ. Năm 1991, tỷ lệ người mù chữ trong dân số trưởng thành vẫn cao tới 48% ở Ấn Độ, so với 22% ở Trung Quốc. Trong khi gần 40 phần trăm trẻ em Ấn Độ không học đọc và viết, thì con số tương ứng của Trung Quốc chỉ khoảng 5 phần trăm. Ngoài ra, tại Ấn Độ, sự chênh lệch về khoảng cách mù chữ giữa nam và nữ là rất khác xa nhau (Jean Dreze and Jackie Loh, 1995). Điều này cho thấy chính sách của Chính phủ Ấn Độ đối với chương trình xóa mù chữ chưa có hiệu quả như đối với Trung Quốc - một đất nước có nhiều tương đồng về điểm xuất phát số lượng mù chữ chức năng.

Tại Việt Nam, tiêu chí để nhận diện “mù chữ”, “xóa mù chữ” và “tái mù chữ” do Bộ Giáo dục và Đào tạo (Việt Nam), cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục ở Việt Nam, công bố từ năm 1956 đến năm 2008. Theo đó, trước hết người đã học từ lớp 1 đến lớp 3 tiểu học đạt yêu cầu được coi là đã “xóa mù”; còn nếu bỏ học giữa chừng thì là người “mù chữ”; điều này là để phân biệt người ở tuổi tiểu học vẫn đang đi học được coi là “không mù chữ” và người ở độ tuổi từ lớp 1 đến lớp 3 trở lên nhưng không đi học thì là người “mù chữ”. Thứ hai, những người tự học (chưa đến trường) nếu không đạt trình độ tương đương lớp 3 thì cũng được coi là người “mù chữ”. Thứ ba, những người đã học qua lớp 3 nhưng khi kiểm tra mà không đạt trình độ lớp 3 thì được xem là những người “tái mù chữ”. Trong một đơn vị cư trú, số lượng những người “mù chữ” cộng với số người “tái mù” sẽ là số lượng người “mù chữ thực tế”. Thứ tư, đối với đồng bào dân tộc thiểu số, nếu biết chữ dân tộc đạt trình độ lớp 3 thì cũng được xem là những người “không mù chữ” (Doi, 2014).

Nghiên cứu về chính sách cũng như hiệu quả của công tác xóa mù chữ ở Việt Nam đã có nhiều công trình và tác giả quan tâm. Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, “xóa mù chữ” hay “xóa nạn mù chữ” được coi là vấn đề cốt lõi hàng đầu của giáo dục nói riêng và giáo dục tại vùng dân tộc thiểu số nói riêng.

Thành quả xóa mù chữ ở Việt Nam được Vũ Ngọc Bình (1990) đề cập đến như một tổng quan khái quát nhất về quá trình “chống nạn mù chữ ở Việt Nam. Các chiến dịch chống mù chữ ở Việt Nam được Vũ Ngọc Bình thống kê, phân tích trong giai đoạn 1945-1990. Các chiến dịch nhằm chống lại nạn mù chữ được biết đến cũng như chiến dịch diệt giặc đói, diệt giặc dốt của Chính phủ lâm thời nước

Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ hơn 90% mù chữ khi mới thành lập nước. Việt Nam đã đạt được thành quả trên 95% dân số biết chữ (1990). Thành quả xóa mù chữ này của Việt Nam thực sự ấn tượng và trở thành điển hình tại khu vực các nước kém phát triển.

Phạm Tất Thắng đã nghiên cứu “Tình hình mù chữ, tái mù chữ và vấn đề xóa mù chữ ở Việt Nam trong thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế” (2010) để nhìn nhận đánh giá lại quá trình xóa mù chữ từ giai đoạn 1945 đến năm 2010. Từ đó tác giả đánh giá hiệu quả, khó khăn, thách thức của việc xóa mù chữ trong thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

Trong số các chuyên gia hàng đầu nghiên cứu về ngôn ngữ, đặc biệt là chương trình, kết quả xóa mù chữ ở Việt Nam phải kể đến GS.TS Trần Trí Dõi. Ông đã đặt biệt quan tâm đến việc xóa mù chữ cho các DTTS sinh sống ở phía Bắc của Việt Nam. Trần Trí Dõi đã đưa ra các vấn đề: *Mù chữ và vấn đề nguồn nhân lực dân tộc thiểu số* (2016), *Vấn đề xóa mù chữ vùng dân tộc thiểu số - những đặc điểm khác nhau ở mỗi tộc người* (2014), *Chính sách ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam và giá trị của nó trong phát triển bền vững vùng lãnh thổ* (2011). Tác giả đã phát hiện ra khoảng trống rất lớn giữa kết quả xóa mù chữ cho người DTTS và người dân tộc đa số, giữa kết quả thống kê của các tỉnh thành và của Tổng cục thống kê theo Tổng điều tra dân số toàn quốc. Trần Trí Dõi cũng phân tích kỹ các chính sách ngôn ngữ cho nhóm dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay, thành quả và thách thức, đồng thời nêu rõ giá trị của nó trong phát triển.

Các công trình nghiên cứu trên đây có vai trò quan trọng và là tiền đề cho kết quả của bài viết này. Dựa trên kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015 và năm 2019, chúng tôi so sánh, đánh giá và chỉ ra khoảng trống chưa được lấp đầy trong chính sách xóa mù chữ cho người dân tộc thiểu số giai đoạn từ 2010 đến nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết, tác giả sử dụng một số phương pháp chủ yếu như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp qua các nguồn bài viết đăng trên tạp chí, chương sách, sách của học giả nước ngoài, báo cáo số liệu hàng năm của các cơ quan Chính phủ, các viện nghiên cứu, các học giả tại Việt Nam. Đồng thời, sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích nhằm đánh giá lại quá trình xóa mù chữ cho các DTTS tại Việt Nam từ 2010 đến nay, đặc biệt chỉ ra tình trạng biết đọc, biết viết của người dưới 15 tuổi là người DTTS so với dân tộc đa số. Từ đó, kiến nghị Chính phủ cần có chính sách đặc thù, góp phần thu hẹp khoảng cách xóa mù chữ cho đồng

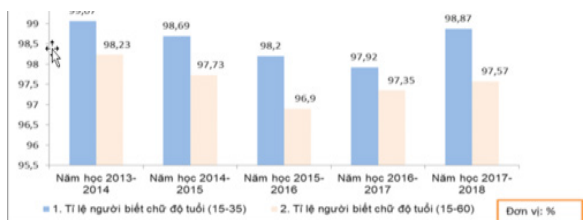
bào DTTS nói riêng và người dân ở Việt Nam nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tình trạng biết đọc, biết viết tiếng phổ thông của người dân tộc thiểu số

Kết quả thống kê về tình trạng biết đọc, biết viết tiếng phổ thông của người DTTS phản ánh tình trạng xóa mù chữ. Tỷ lệ biết đọc biết viết chữ phổ thông là một trong những chỉ tiêu chung phản ánh kết quả của giáo dục đối với đồng bào DTTS, được định nghĩa là tỷ lệ phần trăm những người DTTS biết đọc biết viết chữ phổ thông ở một độ tuổi nhất định trong tổng dân số DTTS của độ tuổi đó. Hiện nay, nhiều nguồn dữ liệu có thống kê đến chỉ tiêu này trong điều tra giáo dục, điều tra xã hội hoặc kinh tế. Tuy nhiên, có các cuộc điều tra trên diện rộng và bao phủ lên toàn bộ các DTTS ở cả nước được Tổng cục Thống kê phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban Dân tộc thực hiện vào hai đợt, (năm 2015 và năm 2019).

Đối với cuộc điều tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ người biết chữ theo hai khoảng tuổi 15-35 và 15-60 là rất cao, gần như tuyệt đối. Tại biểu đồ, tỷ lệ người biết chữ ở các độ tuổi 15-35 và 15-60, giai đoạn 2013-2017 cho thấy, từ năm 2013 đến năm 2018 theo các năm học, thì tỷ lệ người biết chữ ở cả hai khoảng tuổi 15-35 và 15-60 giao động từ 96,9% cho đến 99,07%. Trong đó, năm học 2015-2016 là năm có trẻ em mù chữ cao nhất. Con số này tính tổng cho tất cả các dân tộc tại Việt Nam và không chia tách các vùng hay các tộc người khác nhau.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ người biết chữ ở các độ tuổi (15-35 và 15-60) giai đoạn 2013-2017

Nguồn. Báo cáo của Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2018

Cũng theo báo cáo của Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2018 “Tỷ lệ người DTTS biết chữ độ tuổi 15-60 là 93,44%. Có 100% đơn vị cấp tỉnh, huyện và 99,9% đơn vị cấp xã duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ. Giai đoạn 2013-2018, trung bình mỗi năm huy động được khoảng 30.000 người mù chữ từ 15-60 tuổi tham gia học các lớp xóa mù chữ (từ lớp 1 đến lớp 3); huy động được 25.000 người đã được công nhận biết chữ

(học hết lớp 3) và những người đang học dở lớp 4, lớp 5 tham gia các lớp học giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (từ lớp 4 đến lớp 5). Hàng năm, có khoảng 18 triệu lượt người tham gia các lớp chuyên đề bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng trong các trung tâm học tập cộng đồng nhằm duy trì, củng cố kết quả xóa mù chữ”. Căn cứ vào kết quả tổng hợp trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho rằng khả năng về đích xóa mù chữ cho cả nước đạt 98% dân số biết chữ là rất khả thi.

Năm 2015 và năm 2019, Ủy ban Dân tộc cùng với Tổng cục Thống kê đã tiến hành điều tra nhiều chỉ tiêu cơ bản như về giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, kinh tế đối với 53 DTTS trên toàn quốc. Trong đó, kết quả điều tra 53 DTTS cho thấy một bức tranh khác rất nhiều so với kỳ vọng ban đầu về xóa mù chữ cho người DTTS tại tất cả các tỉnh thành tại Việt Nam.

STT	Tên dân tộc	Tỷ lệ người biết đọc, biết viết chữ phổ thông (%)
1	La Hủ	43.7
2	Mảng	62.4
3	Brâu	61.4
4	Raglay	61.4
5	Lự	61.9
6	Cơ Lao	62.4
7	Mông	62.4
8	Sán Diu	97.4
9	Tày	96.7
10	Mường	96.5
11	Thổ	95.5

Biểu đồ 2. Tỷ lệ mù chữ của một số DTTS năm 2015

Nguồn. Số liệu tổng hợp từ kết quả điều tra thực trạng phát triển kinh tế - xã hội 53 DTTS năm 2015 của Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê

Theo như kết quả điều tra thực trạng phát triển kinh tế-xã hội 53 DTTS do Ủy ban Dân tộc phối hợp cùng Tổng cục thống kê thực hiện năm 2015, cả nước có 20.8% số người DTTS từ 15 tuổi trở lên trong tình trạng không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông, cao gấp 4 lần bình quân chung cả nước (con số này là 5.3%).

Các dân tộc có tỷ lệ người biết đọc, biết viết chữ phổ thông hiện nay thấp nhất là dân tộc La Hủ (43.7%), bằng khoảng 50% so với cả nước. Hiện nay, có 41/53 dân tộc chưa đạt được mức trung bình chung về tỷ lệ xóa mù chữ chung đối với các DTTS. Chỉ có 7/53 dân tộc có tỷ lệ người biết đọc, biết viết tiếng phổ thông đạt trên 90% và tỷ lệ phần trăm biết đọc biết viết cao nhất là dân tộc Sán Diu với 97.4%.

(Số liệu điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015).

Tại Quyết định số 692/QĐ-TTg, ngày 04/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020” cũng cho thấy, có 14 tỉnh/thành tình trạng xóa mù chữ đang ở mức thấp gồm: Lai Châu, Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang; trong đó khó khăn nhất là 5 tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai.

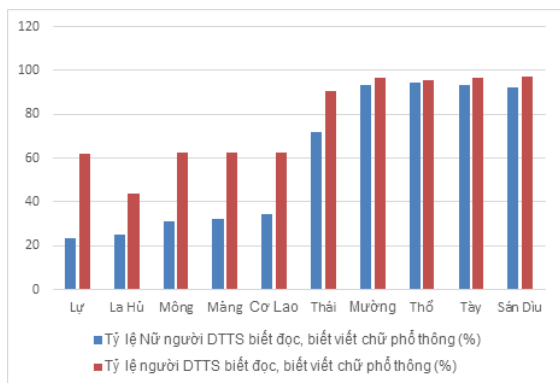
Theo điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 DTTS năm 2019, tỷ lệ biết đọc biết viết chữ phổ thông của người DTTS từ 15 tuổi trở lên là 80,9 tăng 1,7 điểm phần trăm so với năm 2015. Như vậy, sau gần 5 năm tỷ lệ này tăng lên không đáng kể. Nhìn chung, tỷ lệ biết đọc, viết chữ phổ thông còn khá thấp ở nhiều DTTS, trong đó thấp nhất là các dân tộc Mảng (46,2%), La Hủ (46,9%), Lự (49,7%), Mông (54,3%). Các DTTS có tỷ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông cao như dân tộc Ngái (96,5), Sán Diu (95,7), Mường (95,5%), Tày (94,9%), Thổ (94,9%), Hoa (91,0%), Nùng (90,0%). Có sự khác biệt về giới và khu vực thành thị, nông thôn về khả năng đọc thông, viết thạo chữ phổ thông của người DTTS. Nam DTTS có tỷ lệ đọc thông viết thạo chữ phổ thông cao hơn nữ DTTS 11,6 điểm phần trăm (86,7 so với 75,1%). Tỷ lệ này của người DTTS sống ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn 8,9 điểm phần trăm (88,7 so với 79,8) {Ủy ban Dân tộc & Tổng cục thống kê, năm 2020}.

4.2. Tình trạng mù chữ ở nữ giới người dân tộc thiểu số

Nữ giới vẫn được xem là yếu thế hơn so với nam giới trong việc tiếp cận các dịch vụ công như y tế, giáo dục. Mù chữ ở nữ giới DTTS đang là một vấn đề rất phức tạp và chưa thể giải quyết cùng thời điểm với nam giới do yếu tố giới, văn hóa cũng như sự khác biệt trong lao động.

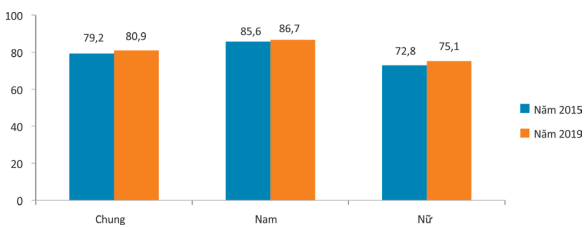
Các DTTS có tỷ lệ nữ giới từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết tiếng phổ thông thấp gồm: Lự, La Hủ, Mông, Mảng, Cơ Lao, Hà Nhì, Brâu, La Ha, La Chí, Lô Lô, Kháng, Lào, Si La, Khơ-mú và Raglay; trong đó dân tộc Lự, La Hủ là thấp nhất với tỷ lệ 23-25%. DTTS có tỷ lệ nữ giới từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết tiếng phổ thông đạt từ 50% đến dưới 60% gồm: Rơ măm, Xơ-Đăng, Cơ-ho, Tà Ôi, Mnông, Co, Phù Lá, Cơ-tu, Ê-đê, Khmer, Giáy, Gié Triêng và Bô Y. 13 DTTS có tỷ lệ giới từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết tiếng phổ thông đạt trên 70%, trong đó 9 dân tộc: Nùng, Ngái, Sán Chay, Hoa, O Đu, Sán Diu, Tày, Mường, Thổ đạt trên 84%; 4 dân tộc gồm Sán Diu, Tày, Mường, Thổ được cho là đã bước đầu hòa nhập với mặt bằng chung của cả nước về tỷ lệ nữ giới biết đọc, biết viết tiếng phổ

thông. So sánh khoảng cách về giáo dục giữa nam và nữ người DTTS, qua kết quả phân tích đã cho thấy ở một số dân tộc như Thổ, Mường, Tày, Pu Péo, Ô Đu, Sán Dìu, Hoa, Bô Y, Sán Chay không lớn (chênh lệch dưới 7%). Sự chênh lệch này đặc biệt cao ở các dân tộc Lự, Kháng, Lào, Si La, Mông, La Ha, Hà Nhì, Co Lao và Xinh-mun (trên 28%). Các dân tộc có mức chênh lệch giáo dục giữa hai giới thấp có thể chia thành hai nhóm: nhóm các dân tộc có phổ cập giáo dục tốt và cả nam, nữ đều được hưởng lợi, như người Tày, Sán Dìu, Mường. Nhóm thứ hai gồm các dân tộc có phổ cập giáo dục hạn chế; cả nam, nữ giới đều có trình độ giáo dục thấp tương đương nhau (Bô Y, Chơ-ro, Pu Péo...). Đáng chú ý là trường hợp dân tộc Thái, tỷ lệ nam giới biết đọc biết viết thuộc nhóm cao nhất trong khi nữ giới chỉ đạt 71,8%.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ nữ người DTTS so với tổng số người DTTS biết đọc, viết chữ phổ thông tính theo tỷ lệ %, năm 2015

Nguồn. Phân tích kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2015



Biểu đồ 4. Tỷ lệ biết đọc biết viết chữ phổ thông của người DTTS từ 15 tuổi trở lên, năm 2015 và năm 2019

Nguồn. Phân tích kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2015 và năm 2019

Đến năm 2019, tỷ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của nữ giới đã có sự chuyển biến từ 72,8% lên đến 75,1%, tăng 2,3 điểm phần trăm. Tuy nhiên, so với mức trung bình trung của cả nước năm 2019

thì nữ giới vẫn kém hơn 5,8 điểm phần trăm.

5. Thảo luận

Ngày 10/9/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1557/QĐ-TTg về Phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015 (Quyết định số 1557/QĐ-TTg). Một trong các mục tiêu đặt ra đến năm 2025, tỷ lệ biết chữ từ 10 tuổi trở lên của các DTTS đạt 92% và đến năm 2025 đạt 98%.

Báo cáo phân tích đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS sử dụng số liệu điều tra về thực trạng kinh tế xã hội của 53 DTTS năm 2015 của Irish Aid-Ủy ban Dân tộc-UNDP (năm 2016), cho thấy, dự kiến đến năm 2025, chỉ có 11 DTTS (Mường, Thổ, Tày, Sán Dìu, Ngái, Ô Đu, Hoa, Sán Chay, Nùng, Thái, Chăm) có khả năng hoàn thành mục tiêu theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã đặt ra; 42 dân tộc còn lại (năm 2015 đang có tỷ lệ đạt dưới 78%) sẽ khó có thể đạt mục tiêu đã xác định tại quyết định này, đặc biệt là 24 DTTS có tỷ lệ biết chữ từ 15 tuổi trở lên đang ở mức dưới 70% năm 2015.

Trong Báo cáo Hội thảo “Thúc đẩy phát triển DTTS - Không để ai bị bỏ lại phía sau” do Ủy ban Dân tộc tổ chức tại Hà Nội năm 2017”, nếu mỗi năm giảm 1,2% theo kỳ vọng trong Quyết định số 1557/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì 6 dân tộc Lự, La Hủ, Mảng, Mông, Cơ Lao phải cần đến trên 40 năm, nghĩa là phải đến năm 2057 thì các dân tộc đó mới có thể đạt được con số gần 100% biết chữ.

Trong đó, vấn đề nữ giới mù chữ có khoảng cách rất lớn so với mặt bằng chung cả nước là rất khó để giải quyết. Theo Quyết định 1557/QĐ-TTg thì mục tiêu đến năm 2025 sẽ giảm xuống dưới 10% số lượng nữ DTTS mù chữ không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông. Tuy nhiên, cho đến năm 2019 thì tỷ lệ nữ đạt được mức trung bình trung biết chữ mới chỉ đạt được 75,1%. Một khoảng cách rất xa để có thể đạt được 90% theo mục tiêu đề ra vào năm 2025.

Theo Ủy ban Dân tộc (2015), có khoảng 33 DTTS khó có thể về đích như cam kết của Chính phủ trong thực hiện Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với chỉ tiêu xóa mù chữ cho nữ, bao gồm: Lự, La Hủ, Mông, Mảng, Cơ Lao, Hà Nhì, Brâu, La Ha, La Chí, Lô Lô, Kháng, Lào, Si La, Khor-mú, Ra-glai, Gia Lai, Xtiêng, Bru Vân Kiều, Xinh-mun, Hrê, Chứt, Cống, Ba na, Mạ, Dao, Chu Ru, Pà Thên, Rơ măm, Xơ-Đăng, Cơ-ho, Tà Ôi, Mnông, Co. Đây là những dân tộc thuộc nhóm dân tộc ít người, đời sống sinh tế khó khăn, sinh sống trên địa bàn vùng sâu, lời nghèo. Nhiều tộc người đang ở

tình trạng báo động về hiện trạng sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ công.

Kết quả của nghiên cứu này chỉ ra rằng việc đạt được mục tiêu xóa mù chữ cho các DTTS ở Việt Nam đến năm 2025 theo tiêu chí đặt ra của Quyết định số 1557/QĐ-TTg là có rất nhiều khó khăn. Chính phủ cần có những giải pháp mới để đưa mục tiêu này về đích đúng với kế hoạch đề ra.

6. Kết luận

Đại hội Đảng lần thứ XIII đặt mục tiêu đến năm 2045, Việt Nam sẽ trở thành nước có thu nhập trung bình cao. Để đạt được mục tiêu này, công tác đào tạo của Việt Nam cần phải có những đột phá mang tầm chiến lược và chấm dứt tình trạng mù chữ ở khu vực DTTS, rút ngắn tối đa khoảng trống tỷ lệ biết

đọc, biết viết tiếng phổ thông giữa người đa số và các DTTS. Để đạt mục tiêu này thì yêu cầu xóa mù chữ trong cả nước nói chung và đối với các DTTS nói riêng đặt ra cấp bách

Nghiên cứu này mới chỉ khảo sát đến thực trạng “xóa mù chữ” mà chưa đề cập đến các nội dung như “tái mù chữ” hoặc “khả năng biết nói, biết viết tiếng mẹ đẻ” của các DTTS. Do đó, rất cần có những nghiên cứu tiếp theo. Tuy nhiên, khoảng trống giữa nhóm thiểu số và đa số, giữa nữ giới DTTS và mức trung bình trung của cả nước là chưa được lấp đầy. Những kỳ vọng cho việc chấm dứt tình trạng mù chữ đến năm 2030 vẫn đang gặp khó khăn. Do đó, rất cần phải hành động mạnh mẽ hơn nữa để “không ai bị bỏ lại phía sau”.

Tài liệu tham khảo

- Alkire, S., & Foster, J. E. (2007). *Counting and Multidimensional Poverty Measures*.
- Alkire, S., & Foster, J. E. (2011). Counting and Multidimensional Poverty Measurement. *Journal of Public Economics*, 95, p.476-487.
- Bartram, J., & Cairncross, S. (2010). Hygiene, Sanitation, and Water: Forgotten Foundations of Health. *PLoS Medicine*, 7(11), pp.e1000367.
- Baulch, B., Pham, H. T., & Reilly, B. (2012). Decomposing the ethnic gap in rural Vietnam, 1993–2004. *Oxford Development Studies*, 40(1), 87–117. <https://doi.org/doi:10.1080/13600818.2011.646441>
- Boschi-Pinto, C., Velebit, L., & Shibuya, K. (2008). Estimating child mortality due to diarrhoea in developing countries. *World Health Organization. Bulletin of the World Health Organization*, 86(9), p.710-7.
- Cuong, N. V., Tung, P. D., & Westbrook, D. (2015). Do the poorest ethnic minorities benefit from a large-scale poverty reduction program? Evidence from Vietnam. *The Quarterly Review of Economics and Finance*, 56, p.3-14.
- Hung, P. T., Trung, L. D., & Cuong, N. V. (2011). *Poverty of the Ethnic Minorities in Vietnam: Situation and Challenges from the CT 135-II Communes*. Hanoi.
- Irish Aid, Ủy ban Dân tộc, & UNDP. (2016). *Phân tích đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số sử dụng số liệu điều tra về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015*.
- Levels & Trends in Child Mortality: Report 2015, the United Nations Children’s Fund, the World Health Organization, the W. B. and the U. N. P. D. (2015). *Levels & Trends in Child Mortality: Report 2015*.
- Thu tuong Chinh phu. *Phê duyệt Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020.”*, Quyết định số 692/QĐ-TTg, ngày 04/05/2013 (2013).
- Tung, P. D., & Trang, D. T. (2014). *54 ethnic groups: why different?* Hanoi.
- UNESCO. (1965). *Literacy as a Factor in Development*, Minedlit/3.
- Ủy ban Dân tộc. (2017). *Thực trạng phát triển dân tộc thiểu số - Khong de ai bi bo lai phia sau*. Hà Nội.
- Ủy ban Dân tộc, & Tổng cục Thống kê. (2020). *Báo cáo kết quả điều tra thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Nxb. Thống kê.
- Vien Ngon ngu hoc. (2010). *Tình hình mù chữ, tái mù chữ và van de xóa mù chữ ở Việt Nam trong thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế*. De tai Nghien cuu khoa hoc cap Bo do TS Pham Tat Thang chu tri (nghiem thu 2010), 235 tr.
- Walle, D. Van de, & Gunewardena, D. (2001). Sources of ethnic inequality in Viet Nam. *Journal of Development Economics*, 65(1), p.177-207.
- Working Bank. (2009). *Country Social Analysis: Ethnicity and Development in Vietnam*.
- World Bank. (2012). *Well Begun, Not yet Done - Vietnam’s Remarkable Progress on Poverty Reduction and the Emerging Challenges*. Hanoi.

XÓA MÙ CHỮ CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010 ĐẾN NAY

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Hoàng Thị Mai Sa

Đại học Sư phạm Đà Nẵng
Email: hoangsa82@gmail.com

Ngày nhận bài: 09/6/2021
Ngày phản biện: 18/6/2021
Ngày tác giả sửa: 22/6/2021
Ngày duyệt đăng: 25/6/2021
Ngày phát hành: 30/6/2021

DOI: <https://doi.org/10.25073/0866-773X/554>

Việt Nam là một trong số các quốc gia đạt được thành tựu xóa mù chữ đáng ghi nhận tại Châu Á. Từ 10% dân số biết chữ (năm 1945), đến nay đã đạt con số 94% số người biết chữ đối với cả nước và 83% đối với các nhóm dân tộc thiểu số (CEMA, 2017). Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá lại quá trình xóa mù chữ cho các dân tộc thiểu số tại Việt Nam từ năm 2010 đến nay, đồng thời chỉ ra những khó khăn cần vượt qua trong công cuộc xóa mù chữ hiện nay. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được tổng hợp từ các bài viết đăng trên các tạp chí, sách của học giả nước ngoài, Báo cáo số liệu hàng năm của các cơ quan Chính phủ, các viện nghiên cứu, các học giả tại Việt Nam. Kết quả của nghiên cứu cho thấy, có những khoảng cách đáng kể giữa tỷ lệ xóa mù chữ cho nhóm dân tộc thiểu số và đa số. Đồng thời cũng khuyến nghị để hoàn thành các mục tiêu xóa mù chữ của Việt Nam đến năm 2030 thì cần thiết phải có những chính sách mới, quyết liệt và bất phá trong công tác xóa mù chữ hiện nay.

Từ khóa: Xóa mù chữ; Dân tộc thiểu số; Xóa mù chữ giai đoạn 2010 đến nay; Phổ cập tiểu học; Việt Nam.